

CONSERVING CULTURE AND LANGUAGE DIVERSITY OF ETHNIC MINORITIES IN THE CURRENT CONTEXT OF INTERNATIONAL INTEGRATION

Vu Thi Thanh Minh

Thanh Do University

Email: vttminh@thanhdo.uni.edu.vn

Received: 24/5/2023; Reviewed: 29/5/2023; Revised: 14/6/2023; Accepted: 15/6/2023; Released: 21/6/2023

DOI: <https://doi.org/10.54163/ncdt/185>

Culture (of which language is an important element) of the ethnic groups are the common heritage of mankind. In the process of social development, in many multi-ethnic and multi-cultural countries, that diversity has not been lost but is increasingly honored thanks to the unity in the national cultural development and management strategy. However, in the face of the impact of the international integration process that is taking place widely in all aspects of social life, the protection of the cultural and linguistic diversity is becoming an urgent issue. The article analyzes the cultural diversity, language diversity, the situation of preserving cultural and linguistic diversity of ethnic minorities in Vietnam. From that, proposing some solutions to preserve the cultural and linguistic diversity of ethnic minorities is very necessary in the current international integration context.

Keywords: *Preservation; Cultural diversity; Linguistic diversity; Ethnic minorities; Vietnam; International integration.*

1. Đặt vấn đề

Tính đa dạng về văn hóa, ngôn ngữ của một đất nước đa dân tộc từ lâu đã trở thành điều kiện tồn tại và phát triển không chỉ của văn hóa mà còn của bản thân dân tộc đó. Tính đa dạng của văn hoá dân tộc được thống nhất trong quy luật chung - quy luật phát triển đi lên của đất nước, như cái riêng thống nhất trong cái chung. Do điều kiện lịch sử và xã hội đặc biệt, hiện nay ở Việt Nam có 54 dân tộc với những hoàn cảnh xã hội, văn hóa cổ truyền và số lượng dân số không đồng nhất. Trong 53 dân tộc thiểu số (DTTS), có 6 dân tộc có số dân trên 1 triệu người và đặc biệt là có 14 dân tộc có số dân dưới 10.000 người; có 32 DTTS còn khó khăn và 14 DTTS có khó khăn đặc thù. Bên cạnh hệ thống chính sách dân tộc của Nhà nước nhằm phát triển kinh tế-xã hội (KTXH) đối với các DTTS, vùng DTTS rất cần có những chính sách và biện pháp cụ thể để bảo tồn, phát triển văn hóa và ngôn ngữ của các DTTS, trong sự thống nhất và đa dạng của văn hóa, ngôn ngữ Việt Nam.

2. Tổng quan nghiên cứu

Trong những năm qua, có nhiều công trình nghiên cứu về bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa của các DTTS, tiêu biểu là một số công trình nghiên cứu như: “Văn hoá các dân tộc Tây Bắc - Thực trạng và những vấn đề đặt ra”, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004 và “Đời sống văn hoá các DTTS trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá”,

Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội, 2006 của Trần Văn Bình đã nghiên cứu thực trạng xây dựng đời sống văn hoá của các dân tộc Tây Bắc, làm rõ những biến đổi của các giá trị văn hoá truyền thống, những vấn đề đặt ra trong việc xây dựng đời sống văn hoá mới và giữ gìn phát huy văn hoá truyền thống của đồng bào các dân tộc ở Tây Bắc. Tác giả đã tổng kết các vấn đề thực tiễn xây dựng đời sống văn hoá ở vùng đồng bào DTTS, làm rõ sự tác động của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH) đến đời sống văn hoá của đồng bào DTTS. Đề tài khoa học cấp Bộ của Hoàng Nam (Chủ nhiệm, 2006), “Bảo tồn, phát huy bản sắc văn hoá truyền thống một số DTTS miền núi phía bắc hiện nay”, đã chú trọng nghiên cứu bản sắc văn hoá truyền thống của đồng bào các dân tộc ở miền núi phía Bắc, làm rõ thực trạng của các giá trị truyền thống trước những tác động của sự nghiệp đổi mới đất nước, làm rõ những vấn đề đặt ra trong bảo tồn, phát huy bản sắc văn hoá các dân tộc ở phía Bắc. Luận án tiến sỹ của Nguyễn Tiến Dũng (2015), “Vấn đề giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa của người Khmer trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay”, đã nhấn mạnh việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc là nhu cầu sống còn của một nền văn hóa, nhất là các nền văn hóa có bề dày truyền thống, có những nét đặc sắc trong so sánh với các nền văn hóa khác. Theo tác giả, cộng đồng người Khmer Nam Bộ là một bộ phận cấu thành của quốc gia Việt Nam. Do đó, cũng không tránh khỏi sự “xâm lấn” của các luồng

văn hóa khác. Để giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa của người Khmer trong bối cảnh toàn cầu hóa, theo tác giả cần giải quyết một số vấn đề như giữ gìn bản sắc văn hóa gắn liền với hội nhập và phát triển, do vậy cần xác định rõ những mặt nào được phát huy, những mặt nào không thể phát huy thì có thể bảo tồn và việc gắn kết giữa kinh tế với văn hóa, văn hóa với quốc phòng, an ninh là một yêu cầu thiết yếu... Bên cạnh đó còn có một số công trình nghiên cứu về thành phần ngôn ngữ DTTS, về bảo tồn ngôn ngữ các DTTS của các nhà nghiên cứu Tạ Văn Thông, Nguyễn Hữu Hoàn, Nguyễn Văn Khang, Nguyễn Văn Phúc, Nguyễn Văn Hiệp... Các công trình nghiên cứu của các nhà khoa học nói trên đều đề cập nhiều đến thực trạng ngôn ngữ các DTTS, thực trạng bảo tồn ngôn ngữ các DTTS trước nguy cơ bị mai một hiện nay.

Nghiên cứu về bảo tồn sự đa dạng về văn hóa và đa dạng về ngôn ngữ các DTTS trong bối cảnh hội nhập quốc tế sẽ góp thêm một cái nhìn sâu sắc và toàn diện về sự bảo tồn tính thống nhất và đa dạng của văn hóa và ngôn ngữ các DTTS Việt Nam hiện nay.

3. Phương pháp nghiên cứu

Công trình được thực hiện bởi phương pháp nghiên cứu định lượng, trên cơ sở phân tích các số liệu thống kê về dân số và nhà ở DTTS của Tổng cục Thống kê, phân tích thực trạng văn hóa và ngôn ngữ của các DTTS qua báo cáo về Thực trạng phát triển KTXH vùng DTTS do Ủy ban Dân tộc và Tổng cục Thống kê phối hợp thực hiện và tham khảo nội dung các công trình nghiên cứu về bảo tồn văn hóa và ngôn ngữ của các nhà khoa học đi trước, nghiên cứu đưa ra các giải pháp bảo tồn sự đa dạng về văn hóa và đa dạng về ngôn ngữ của các DTTS trong bối cảnh hội nhập hiện nay.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Sự đa dạng văn hóa, đa dạng ngôn ngữ của các dân tộc thiểu số ở Việt Nam

4.1.1. Về đa dạng văn hóa

Việt Nam từ thời lập quốc với quốc hiệu Văn Lang - Âu Lạc đã là quốc gia đa dân tộc với sự đa dạng về văn hóa. Các dấu hiệu văn hóa đa dạng hiện tại còn nhận biết được qua các di vật khảo cổ học cho thấy, có thể cư dân của quốc gia cổ đại ấy có một nền văn hóa đa dạng với các cộng đồng nói những ngôn ngữ khác nhau thuộc ngữ hệ Nam Á, với những nhóm Môn-Khmer cổ, Tày - Thái cổ, với những đặc trưng văn hóa rõ nét. Hiện nay, trên lãnh thổ Việt Nam tồn tại đầy đủ các đại diện của các ngữ hệ lớn của Đông Nam Á như: ngữ hệ Nam Á, ngữ hệ Nam đảo, ngữ hệ Thái-Kai đa và ngữ hệ Hán-Tạng. Mỗi dân tộc người lại hình thành các nhóm địa phương, giữa các nhóm địa phương đó lại có những khác biệt nhất định về thổ ngữ (phương ngữ), trang phục, phong tục tập quán, nghi lễ... Xét từ góc độ nguồn

gốc và lịch sử, Việt Nam là nơi hội tụ của các tộc người tại chỗ (Việt-Mường) với các tộc từ phía bắc di cư xuống (Thái, Mông-Đao, Tạng-Miến, Hoa...) và từ biển phía nam lên (Nam Đảo). Do lịch sử phân bố và di cư của các tộc người, ở Việt Nam đã hình thành nên các vùng sinh thái - tộc người khác nhau: cư dân đồng bằng và ven biển (Việt-Mường), cư dân - tộc người thung lũng (Tày-Thái), cư dân - tộc người rẻo núi giữa và cao nguyên (các nhánh Môn-Khmer, Nam Đảo), cư dân - tộc người rẻo núi cao (Mông-Đao, Tạng-Miến)... Chính những nhân tố sinh thái tộc người này đã tạo nên những giá trị văn hóa khác nhau, góp phần làm phong phú, đa dạng hơn văn hóa các dân tộc Việt Nam.

Văn hóa truyền thống các DTTS phong phú, đa dạng, góp phần làm nên nền văn hóa Việt Nam đa dạng và thống nhất. Sự phong phú, đa dạng này thể hiện qua các vùng văn hóa khác nhau: vùng Tây Bắc, vùng Đông Bắc, vùng Tây Nguyên, vùng Nam Bộ (Đông Nam Bộ và Tây Nam Bộ), vùng Duyên hải miền Trung và Nam Trung Bộ... Sự phong phú, đa dạng về văn hóa thể hiện qua văn hóa của các nhóm ngôn ngữ, các tộc người, các nhóm địa phương tộc người.

Với trên 82 triệu người, hiện nay người Kinh là dân tộc đa số, chiếm 85,3% dân số cả nước; 53 dân tộc còn lại có 14,123 triệu người, chiếm 14,7% dân số cả nước (Tổng cục thống kê, 2019). Cộng đồng các dân tộc Việt Nam có những nét riêng biệt về ngôn ngữ, phong tục tập quán, sinh hoạt vật chất... nhưng đều là những bộ phận của cộng đồng quốc gia - dân tộc Việt Nam, cùng chung lưng đấu cật, đoàn kết đấu tranh chống thiên tai, địch họa để dựng nước và giữ nước. Trên cơ sở “mẫu số chung” đó, những sắc thái văn hóa riêng có của từng dân tộc được định hình, phát triển và bổ sung cho nhau, tạo nên tính đa dạng trong thống nhất của nền văn hóa Việt Nam.

4.1.2. Về đa dạng ngôn ngữ

Ngôn ngữ là linh hồn của mỗi dân tộc, là tiêu chí cơ bản để phân biệt các dân tộc. Ngôn ngữ cũng chính là yếu tố cốt lõi của văn hóa, nhưng cũng là “rào cản” giữa dân tộc này với dân tộc khác.

Theo cách hiểu phổ biến, tương ứng với 53 DTTS phải là 53 ngôn ngữ. Tuy nhiên trên thực tế, thành phần ngôn ngữ của các dân tộc lại không đồng nhất với thành phần dân tộc. Hiện nay, việc xác định một cách chính xác số lượng các ngôn ngữ ở Việt Nam đang có những khó khăn nhất định. Theo một số tài liệu, một số nhà ngôn ngữ học đã cho rằng: Việt Nam có khoảng trên 90 ngôn ngữ khác nhau với nhiều các tiếng địa phương (phương ngữ, thổ ngữ). Các ngôn ngữ này đại diện cho 4 ngữ hệ lớn trong khu vực Đông Nam Á: ngữ hệ Nam Á, ngữ hệ Nam đảo, ngữ hệ Thái-Kai đa và ngữ hệ Hán-Tạng. Tiếng nói của các dân tộc Việt Nam thuộc 8 nhóm

ngôn ngữ khác nhau. Thành phần ngôn ngữ tham gia vào cảnh hưởng ngôn ngữ ở Việt Nam đã tạo nên một bức tranh đa thành tố, nhiều màu sắc. Mỗi cộng đồng DTTS đều có tiếng mẹ đẻ, đồng thời sử dụng tiếng Việt (tiếng dân tộc Kinh) làm ngôn ngữ giao tiếp chung. Ở nước ta, tiếng Việt là ngôn ngữ quốc gia (quốc ngữ) và các dân tộc đều có ngôn ngữ riêng của mình (tiếng mẹ đẻ). Ngoài chữ quốc ngữ (dạng viết của tiếng Việt), nước ta hiện nay có 32 DTTS có chữ viết riêng như: Ba na, Ê-đê, Gia-rai, Chăm, Khmer, Tày, Nùng, Thái, Mông... (Ủy ban Dân tộc - Tổng cục Thống kê, 2019).

Mọi công dân trên đất nước Việt Nam, dù thuộc dân tộc nào cũng có trách nhiệm và quyền lợi sử dụng quốc ngữ trong các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội... Chi trên cơ sở sử dụng thông thạo quốc ngữ mới giúp nâng cao dân trí, mở rộng cơ hội tiếp cận thông tin, xây dựng ý thức quốc gia - dân tộc thống nhất. Về tiếng mẹ đẻ của các dân tộc, Điều 42, Chương II của Hiến pháp năm 2013 khẳng định: công dân có quyền sử dụng ngôn ngữ mẹ đẻ, lựa chọn ngôn ngữ giao tiếp. Như vậy, tôn trọng tiếng mẹ đẻ là góp phần bảo vệ tính đa dạng của văn hóa, của ngôn ngữ các DTTS.

4.2. Thực trạng bảo tồn sự đa dạng văn hóa và đa dạng ngôn ngữ các dân tộc thiểu ở Việt Nam hiện nay

Trong những năm qua, Đảng, Nhà nước, chính quyền các địa phương, các cấp, các ngành đã có nhiều chủ trương, giải pháp để bảo tồn tính đa dạng của văn hóa Việt Nam. Trong bối cảnh mới, bên cạnh việc chú trọng bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc và các tộc người, văn hóa Việt Nam đã có nhiều tìm tòi, đổi mới về nội dung phản ánh, thể nghiệm nhiều phương thức, hình thức biểu đạt mới. Trong đó, Đảng, Nhà nước, chính quyền địa phương đặc biệt coi trọng công tác bảo tồn văn hóa tộc người trong đồng bào DTTS. Triển khai thực hiện đề án “Bảo tồn, phát triển văn hoá các DTTS Việt Nam”, công tác bảo tồn và phát huy giá trị văn hoá của các dân tộc đã có bước phát triển mới về quy mô cũng như chiều sâu. Cụ thể hóa đề án, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (VHTT&DT) cũng triển khai thí điểm Dự án “Gắn kết phát triển kinh tế và bảo tồn, phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số” đến năm 2020 ở một số địa phương có đông đồng bào DTTS, trong đó ưu tiên các dân tộc có số dân dưới 10.000 người, dưới 5.000 người. Các thiết chế văn hoá vùng đồng bào dân tộc thiểu số được trùng tu, tôn tạo, các hoạt động các lễ hội, thể thao dân tộc, trò chơi dân gian, ngày hội văn hóa các dân tộc được tổ chức ở các khu vực Tây Bắc, Đông Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ,... có sức hấp dẫn lớn đối với du khách trong và ngoài nước.

Thông qua việc định kỳ tổ chức Ngày hội VHTT&DL các dân tộc; Giao lưu văn hóa đối với từng dân tộc như tổ chức Ngày hội Văn hóa dân tộc

Hoa, Thái, Chăm, Khmer, Mông, Mường, Dao...; Giao lưu Liên hoan nghệ thuật Hát then - Đàn tính các dân tộc Tày, Nùng, Thái; Giao lưu văn hóa nghệ thuật tuyên truyền biên giới Việt Nam - Lào, Việt Nam - Campuchia... nhằm tăng cường củng cố khối đại đoàn kết giữa các dân tộc, các địa phương trong cả nước; tuyên truyền, vận động đồng bào các dân tộc giữ gìn và phát huy giá trị di sản và truyền thống văn hóa tốt đẹp của các dân tộc, góp phần tạo động lực phát triển KTXH, bảo đảm an ninh quốc phòng. Bộ VHTT&DL cũng định kỳ tổ chức Hội nghị gặp mặt nghệ nhân và những người có công trong công tác bảo tồn, phát huy văn hóa truyền thống các DTTS; thường xuyên phục dựng, tái hiện các lễ hội truyền thống của các DTTS tại Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam, góp phần bảo tồn di sản văn hóa vật thể và phi vật thể của đồng bào các dân tộc.

Công tác bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa phi vật thể của các DTTS được cụ thể hóa bằng nhiều hoạt động cụ thể, thiết thực. Đến nay, đã có hơn 150 di sản văn hóa phi vật thể của các DTTS được đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia (trên tổng số gần 300 di sản của cả nước)... Các di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh vùng DTTS cũng được quan tâm, lập hồ sơ khoa học và xếp hạng cấp quốc gia và quốc gia đặc biệt.

Chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa trước đây, nay là Chương trình mục tiêu phát triển văn hóa đã được Bộ VHTT&DL triển khai thực hiện hiệu quả. Đến nay, đã có hơn 80 lễ hội truyền thống tiêu biểu của các DTTS được Bộ VHTT&DL hỗ trợ các địa phương tổ chức phục dựng, bảo tồn và phát triển đúng mục đích, phù hợp với từng dân tộc; hơn 30 làng, bản, buôn truyền thống của 25 dân tộc thuộc các tỉnh đại diện cho vùng, miền trên cả nước được hỗ trợ đầu tư bảo tồn, gắn phát triển du lịch với khai thác, phát huy giá trị bản sắc văn hóa. Từ đó nhân rộng, phát triển để xây dựng các làng văn hóa - du lịch, điểm văn hóa du lịch, tạo đà chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đẩy mạnh tốc độ xóa đói, giảm nghèo.

Thời gian qua, việc học tập, sử dụng chữ quốc ngữ ở các DTTS ngày càng phát triển, tình trạng mù chữ dần được khắc phục. Cùng với đó, ngôn ngữ của các dân tộc cũng được tôn trọng, sử dụng, bảo tồn thông qua việc dạy trong các trường phổ thông ở vùng DTTS với chính sách song ngữ (dạy cả quốc ngữ và tiếng mẹ đẻ của một số dân tộc). Một số phương tiện thông tin đại chúng, như Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, đài phát thanh - truyền hình của một số tỉnh đã có kênh, có chương trình riêng dành cho đồng bào DTTS. Thông qua các chương trình đó đã tuyên truyền kịp thời những chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước tới đồng bào, góp phần nâng cao nhận thức của đồng bào, xóa dần khoảng cách và sự chênh lệch về trình độ phát triển giữa các dân tộc; đồng thời bảo tồn, phát triển ngôn ngữ của đồng

bào các DTTS. Hiện nay, nhiều nơi ở vùng miền núi phía bắc đã tổ chức dạy và thực hành chữ cổ của người Tày, người Dao, người Thái,... Các câu lạc bộ học chữ của một số dân tộc phát triển khá mạnh ở các tỉnh Lào Cai, Lai Châu, Điện Biên, Yên Bái, Sơn La, Hòa Bình, Ninh Thuận, các tỉnh Tây nguyên và Tây Nam bộ... Nhiều địa phương trên cả nước đã sáng tạo trong việc thành lập các câu lạc bộ giữ gìn tiếng nói gắn liền với nhu cầu thực hành tín ngưỡng, nghi lễ truyền thống, không chỉ thu hút thành viên các DTTS, mà cả thành viên là người Kinh tham gia, qua đó củng cố tinh thần đoàn kết giữa các dân tộc.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, công tác bảo tồn tính đa dạng văn hoá ngôn ngữ còn nhiều bất cập, hạn chế. Trên thực tế, nhiều sinh hoạt văn hóa đã trở nên đơn điệu, khuôn mẫu, nhàm chán, thiếu sức hấp dẫn, không thu hút được đông đảo nhân dân tham gia. Phong trào văn hóa ở nhiều địa phương chưa đi vào thực chất, còn nặng tính hình thức. Giá trị văn hóa truyền thống trong không ít lễ hội bị biến tướng, lệch chuẩn về văn hóa, không đúng và không phù hợp với tinh thần, bản chất giá trị của văn hóa truyền thống. Về nguồn lực, còn nặng về đầu tư của Nhà nước mà chưa phát huy sức mạnh kinh tế của văn hóa, chưa có những chủ trương thực sự mạnh mẽ để xã hội hóa văn hóa.

Khi Việt Nam thực hiện chính sách mở cửa, hội nhập quốc tế, bên cạnh những “luồng gió mát”, cũng có không ít “luồng gió độc” tràn vào nước ta, cản trở sự phát triển. Lối sống xa lạ, trái với những giá trị chuẩn mực tốt đẹp của xã hội, bất chấp những truyền thống tốt đẹp của dân tộc đã và đang xâm nhập vào đời sống xã hội. Nhiều sản phẩm văn hoá ra đời vội vã, chạy theo lợi nhuận và hiệu quả thương mại hoặc chiều theo thị hiếu tầm thường, quay lưng lại với những giá trị tinh thần cao đẹp, tạo ra những chướng ngại cho việc nâng cao mặt bằng dân trí. Văn hoá hình chiếm lĩnh hết cả không gian và thời gian, uy hiếp văn hoá đọc, văn hoá chữ, tạo cho thanh thiếu niên sức ỳ và sự lười biếng. Không ít người trong lớp trẻ hiện nay có tâm lý học đòi cách sống thực dụng, buông thả, sùng bái đồng tiền, tiêu dùng phương Tây, quay lưng lại với văn hoá, đạo đức truyền thống. Sự thâm nhập của văn hoá độc hại, của sự lai căng văn hóa, của lối sống thực dụng và những tiêu cực khác, đã và đang ảnh hưởng, làm băng hoại những giá trị văn hóa truyền thống, ảnh hưởng tới sự phát triển bền vững của đất nước. Tại một số nơi vẫn còn có hiện tượng tiếp cận sai lệch trong công tác bảo tồn dẫn đến phản tác dụng. Một số nghề thủ công truyền thống đang bị mai một, những tri thức, hiểu biết về hệ sinh thái rừng đã được tích lũy qua bao thế hệ đang mất dần tiếng; tiếng nói, chữ viết, trang phục của một số dân tộc đang đứng trước nguy cơ mất hẳn. Một số địa phương chưa có những giải pháp phù hợp để ứng

dụng những tri thức địa phương có giá trị tích cực trong việc hỗ trợ phát triển sinh kế, nhiều sinh hoạt văn hóa cộng đồng, nhiều giá trị văn hóa đang dần bị lãng quên, hoặc bị biến dạng.

Đặc biệt là văn hóa của các dân tộc rất ít người đã và đang bị đồng hóa. Trong sinh hoạt văn hóa, các dân tộc Mảng, Hà Nhì, Pù Lả... đều có nhạc cụ cổ truyền đặc trưng riêng của mình, nhưng ngày nay còn rất ít. Nhiều giá trị văn hóa, văn nghệ, làn điệu dân ca, dân vũ truyền thống của từng dân tộc theo thời gian bị mai một hoặc bị thất truyền, lãng quên ở các cộng đồng có số dân rất ít như Brâu, Rơ măm, Ô Đu... Các nghề truyền thống như dệt vải, thổ cẩm, đan lát... còn rất ít. Các lễ hội tiêu biểu, đặc sắc của các dân tộc ngày càng ít được tổ chức và bị mai một dần. Cộng đồng các dân tộc rất ít người tại các thôn, bản không còn lưu giữ được các lễ hội truyền thống của dân tộc mình. Ở nhiều nơi, các dân tộc rất ít người chịu ảnh hưởng bởi phong tục tập quán, lễ hội của các dân tộc khác sống trên địa bàn. Người Kháng, La Ha, Xinh-mun, Mảng đang bị người Thái chi phối về văn hóa vật chất. Do ảnh hưởng của người Thái, kết hợp với ảnh hưởng của người Kinh, nên một số di sản văn hóa còn sót lại của các dân tộc ít người đang tiếp tục bị mai một. Ngoài ra, ở vùng biên giới Việt-Trung, yếu tố “Hán hóa” cũng thâm nhập vào các bản làng của người Phù Lả, Bô Y, Co Lao, Pu Péo. Sự giao thoa, đồng hoá về văn hoá đang diễn ra ngày càng sâu sắc trên các phương diện văn hóa vật thể (nhà ở, ăn uống...) và phi vật thể (ngôn ngữ, trang phục, lễ hội...). Thậm chí, có dân tộc (như người Ô Đu) ít tìm được các nét văn hóa đặc trưng.

Việc dạy và học tiếng nói, chữ viết của đồng bào DTTS còn gặp nhiều khó khăn, chưa hợp lý về nội dung, hình thức giảng dạy; đội ngũ giáo viên dạy tiếng dân tộc còn hạn chế về số lượng và chất lượng, dẫn đến việc dạy và học chưa hiệu quả. Nhiều DTTS hiện nay ngày càng ít sử dụng tiếng mẹ đẻ. Chữ quốc ngữ có hiện tượng bị biến dạng, bị làm cho méo mó, lai căng (việc sử dụng “tiếng lóng”, ngôn ngữ quảng cáo sử dụng không đúng quy cách...). Đặc biệt, đối với các dân tộc rất ít người, việc sử dụng, vay mượn ngôn ngữ của dân tộc khác đang diễn ra ở hầu hết cộng đồng. Một bộ phận lớn người dân, đặc biệt là lớp trẻ có xu hướng ngày càng ít sử dụng tiếng mẹ đẻ, thay vào đó là sử dụng ngôn ngữ của dân tộc Kinh hay các dân tộc khác trên địa bàn (tiếng Mông, tiếng Tày, Nùng, Thái...). Nhiều DTTS hiện nay không còn dùng tiếng mẹ đẻ như: Người Tu Dí ở tỉnh Lào Cai đã không còn nhớ tiếng mẹ đẻ và chuyển sang nói tiếng Quan Hỏa; người Bô Y ở tỉnh Hà Giang lại dùng tiếng Giáy và tiếng Tày. Việc không còn nói được tiếng mẹ đẻ cũng diễn ra với người Cờ Lao đỏ, La Ha, Xinh-mun... Ngôn ngữ của các dân tộc: Co, Chơ-ro, Xinh-mun, Hà Nhì, Chu ru, Kháng,

La Chí, Phù Lá... chỉ còn khoảng trên 10.000 đến dưới 50.000 người sử dụng, phần lớn là người già, ít được truyền lại. Với nhóm La Hù, La Ha, Pà Thên, Lự, Ngái, Chứt, Lô Lô, Mảng, Co Lao, Bô Y, Công, Si La, Pu Péo, Rơ măm, Brâu... tiếng mẹ đẻ cũng rất ít được sử dụng và chịu áp lực rất lớn từ các ngôn ngữ của các dân tộc chiếm số đông trong vùng.

5. Thảo luận

Bảo tồn sự đa dạng văn hóa, ngôn ngữ của các DTTS không chỉ tạo nên sức mạnh mềm cho dân tộc mà còn góp phần vào sự đa dạng, phong phú và lợi ích của nhân loại. Để bảo tồn sự đa dạng về văn hóa và ngôn ngữ ở Việt Nam, biến nó thành nguồn sức mạnh của dân tộc trong bối cảnh hiện nay, cần tập trung thực hiện một số giải pháp sau:

Thứ nhất, tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, chính quyền và các cơ quan liên quan trong việc thực hiện nhiệm vụ quản lý văn hóa. Quan điểm nhất quán của Đảng, Nhà nước ta là: “Xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, thống nhất trong đa dạng của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, với các đặc trưng dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2014). Vì vậy, công tác bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa của địa phương, quy hoạch các dự án phát triển văn hóa là công việc cần được tiến hành tổng thể bởi những người quản lý văn hóa. Trước tiên những người này phải nhận thức rõ trách nhiệm, nghĩa vụ của mình trong việc bảo tồn và phát huy sự đa dạng văn hóa; đồng thời hiểu biết cách thức để bảo tồn và phát huy có hiệu quả sự đa dạng văn hóa ấy nhằm tạo nên sự hấp dẫn, lôi cuốn cho địa phương và cho đất nước.

Thứ hai, tiếp tục đổi mới hệ thống chính sách bảo tồn sự đa dạng văn hóa, ngôn ngữ theo hướng cơ bản, đồng bộ, lâu dài. Trong Văn kiện Đại hội XIII, Đảng ta xác định: “xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hoá và chuẩn mực con người gắn với giữ gìn, phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam trong thời kỳ mới” (Đảng Cộng sản Việt Nam 2021), trong đó chú trọng “Thực hiện những giải pháp đột phá nhằm ngăn chặn có hiệu quả sự xuống cấp về đạo đức, lối sống, đẩy lùi tiêu cực xã hội và các tệ nạn xã hội. Bảo vệ và phát huy các giá trị tốt đẹp, bền vững trong truyền thống văn hóa Việt Nam” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021). Vì vậy, cần ban hành các chính sách cụ thể tập trung vào lĩnh vực bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào các DTTS, ngôn ngữ DTTS, đào tạo, xây dựng đội ngũ cán bộ người DTTS; trong đó có chính sách cho các nghệ nhân tổ chức truyền dạy di sản văn hóa, có chính sách đặc thù để thu hút các nguồn đầu tư từ xã hội hóa đối với các hoạt động VHHT&DL ở vùng DTTS và miền núi.

Việc triển khai và hoàn thiện chính sách ngôn ngữ cần gắn với quá trình đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, trong đó có việc nâng cao

hiệu quả công tác phổ cập tiếng Việt, chống tái mù chữ ở tất cả các DTTS, đổi mới chương trình dạy học song ngữ (tiếng Việt và tiếng DTTS), phát triển hệ thống đào tạo giáo viên giảng dạy song ngữ... Việc bảo tồn và phát huy giá trị của ngôn ngữ, đời sống văn hóa, phong tục, tập quán, di sản văn hóa các DTTS cần được thực hiện trong mối quan hệ biện chứng với ngôn ngữ quốc gia, đời sống văn hóa, phong tục, tập quán, di sản văn hóa của toàn dân tộc Việt Nam. Cần có cơ chế, chính sách đổi mới nội dung và hình thức phát sóng các chương trình giáo dục văn hóa truyền thống đặc sắc trên các phương tiện truyền thông đại chúng, cũng như nâng cao năng lực cho các phóng viên, biên tập viên các chương trình phát thanh, truyền hình bằng tiếng DTTS. Nâng cao trách nhiệm, ý thức của toàn dân trong việc giữ gìn sự trong sáng và làm giàu tiếng Việt trên cơ sở nói và viết đúng chuẩn mực về phát âm, chính tả, chữ viết, từ ngữ, ngữ pháp và phong cách ngôn ngữ. Ngày nay, trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, các dân tộc nước ta cần vừa bảo tồn, phát huy tiếng mẹ đẻ, không ngừng học tập tiếng Việt, vừa biết ít nhất một ngoại ngữ để đáp ứng yêu cầu nâng cao trình độ, tiếp thu khoa học - công nghệ, tinh hoa văn hóa nhân loại.

Thứ ba, khơi dậy sự chủ động và sáng tạo của nhân dân trong việc bảo tồn các di sản văn hóa của các dân tộc, truyền dạy và giới thiệu các di sản văn hóa đó tới thế hệ sau. Khuyến khích việc duy trì những phong tục tập quán lành mạnh của các dân tộc, phục hồi và phát triển những nghề thủ công truyền thống có giá trị tiêu biểu, những giá trị văn hóa âm thực, nghệ thuật và trang phục cổ truyền khác. Đồng thời, tiếp tục đổi mới, tạo điều kiện thuận lợi cho văn học nghệ thuật phát triển mạnh mẽ, đa dạng về đề tài, nội dung, loại hình, phương pháp sáng tác...

Thứ tư, thực hiện đồng bộ các chính sách, giải pháp bảo tồn văn hóa, bảo tồn ngôn ngữ của các DTTS. Tiếp tục xây dựng, ban hành và triển khai thực hiện các đề án, dự án liên quan đến công tác bảo tồn văn hóa, bảo tồn ngôn ngữ các DTTS gắn với phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS. Bộ VHHT&DL chủ trì, phối hợp triển khai Dự án “Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch”. Ưu tiên bố trí đủ nguồn vốn để triển khai thực hiện hiệu quả, đạt được mục tiêu đề ra.

6. Kết luận

Trong quá trình hội nhập quốc tế hiện nay, văn hóa không chỉ đồng hành cùng dân tộc, hòa nhịp với sự phát triển chung của dân tộc mà trên nhiều phương diện còn giữ vai trò tiên phong, thúc đẩy phát triển đất nước. Hiện nay, ở một số quốc gia đa tộc người, sự đa dạng văn hóa, ngôn ngữ tộc người đang có hiện tượng suy giảm. Trước tình hình đó, Tuyên ngôn thế giới của UNESCO về đa dạng

văn hoá (2001) cho rằng: “Việc đảm bảo sự đa dạng văn hoá là một đòi hỏi cấp bách về mặt đạo đức, không thể tách khỏi sự tôn trọng phẩm giá của con người”. Ở Việt Nam, sự đa dạng văn hóa là một yếu tố đặc sắc, không chỉ tạo nên sức hấp dẫn to lớn của Việt Nam đối với thế giới bên ngoài, mà còn là nền tảng hình thành nội lực cho sự phát triển của đất nước. Thực tiễn cho thấy, bảo vệ sự đa dạng văn hóa, đa dạng ngôn ngữ sẽ tạo nội lực để giao lưu với các nền văn hóa khác, tiếp nhận một cách khoan

dung các giá trị văn hóa, sáng tạo nên các giá trị văn hóa mới làm phong phú vốn văn hóa của mỗi quốc gia. Muốn vậy, phải có chính sách phù hợp để thúc đẩy việc bảo vệ giá trị văn hóa dân tộc và giao lưu quốc tế. Mỗi quốc gia có đặc điểm tự nhiên, xã hội, trình độ phát triển khác nhau nên đương nhiên bên cạnh những chính sách chung, yêu cầu chung mang tính nhân loại rất cần có những chính sách bảo vệ và phát triển đa dạng văn hóa, đa dạng ngôn ngữ của riêng mình.

Tài liệu tham khảo

- Bính, T. V. (2004). *Văn hoá các dân tộc Tây Bắc - Thực trạng và những vấn đề đặt ra*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
- Bính, T. V. (2006). *Đời sống văn hoá các dân tộc thiểu số trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá*. Hà Nội: Nxb. Lý luận Chính trị.
- Đảng Cộng sản Việt Nam. (2014). *Văn kiện Hội nghị lần thứ 9, Khóa XI*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
- Đảng Cộng sản Việt Nam. (2016). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.

- Đảng Cộng sản Việt Nam. (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII - Tập 1*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
- Dũng, N. T. (2015). *Vấn đề giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa của người Khmer trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay*. Luận án Tiến sĩ.
- Nam, H. (2006). *Bảo tồn, phát huy bản sắc văn hoá truyền thống một số dân tộc thiểu số miền núi phía bắc hiện nay*. Đề tài khoa học cấp bộ.
- Tổng cục Thống kê. (2019). *Kết quả tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019*.
- Ủy ban Dân tộc, & Tổng cục Thống kê. (2019). *Điều tra thực trạng phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số*.

BẢO TỒN SỰ ĐA DẠNG VĂN HÓA VÀ ĐA DẠNG NGÔN NGỮ CỦA CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ TRONG BỐI CẢNH HỘI NHẬP QUỐC TẾ HIỆN NAY

Vũ Thị Thanh Minh

Trường Đại học Thành Đô

Email: vtminh@thanhdouni.edu.vn

Nhận bài: 24/5/2023; Phản biện: 29/5/2023; Tác giả sửa: 14/6/2023; Duyệt đăng: 15/6/2023; Phát hành: 21/6/2023

DOI: <https://doi.org/10.54163/ncdt/185>

Văn hóa (trong đó ngôn ngữ là một thành tố quan trọng) của các dân tộc là di sản chung của nhân loại. Trong quá trình phát triển xã hội, ở nhiều quốc gia đa dân tộc, đa văn hóa, sự đa dạng ấy không mất đi mà ngày càng được tôn vinh nhờ tính thống nhất trong chiến lược quản lý và phát triển văn hóa quốc gia. Tuy nhiên, trước tác động của quá trình hội nhập quốc tế đang diễn ra sâu rộng trên mọi mặt của đời sống xã hội, việc bảo vệ sự đa dạng của văn hóa và ngôn ngữ đang trở thành một vấn đề cấp bách. Bài viết phân tích sự đa dạng văn hóa, đa dạng ngôn ngữ, thực trạng bảo tồn sự đa dạng văn hóa, đa dạng ngôn ngữ của các dân tộc thiểu số ở Việt Nam. Từ đó, đề xuất một số giải pháp bảo tồn sự đa dạng về văn hóa và ngôn ngữ của các dân tộc thiểu số trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay.

Từ khóa: Bảo tồn; Đa dạng văn hóa; Đa dạng ngôn ngữ; Các dân tộc thiểu số; Việt Nam; Hội nhập quốc tế.